

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/DS-ST.

Ngày: 12/8/2024.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR – TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Trần Thị Nhã Phương

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Lê Khắc Dũng

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh nguyệt – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 345/2023/TLST-DS ngày 13/12/2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-DS, ngày 13/6/2024; quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST -DS ngày 12/7/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Hương S, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Buôn S, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

* **Bị đơn:** Ông Lê Quý N, sinh năm 1999 và bà Hoàng Thị Thu L, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Buôn S, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

* ***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng bà Trần Thị Hương S trình bày:***

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 14/01/2023 bà S có cho ông Lê Quý N và bà Hoàng Thị Thu L vay số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng từ ngày 14/01/2023 đến ngày 14/02/2023. Ngày 16/01/2023 ông Lê Quý N và bà Hoàng Thị Thu L tiếp tục vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 14 ngày kể từ ngày vay, tương ứng thời hạn trả nợ đến ngày 30/01/2023.

Quá trình trả nợ: Ngày 01/3/2023 ông N, bà L có chuyển trả cho bà S được 57.350.000đ, trong đó nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi 7.350.000đ bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Ngày 29/04/2023 ông N, bà L tiếp tục trả

được 34.650.000đ, trong đó nợ gốc là 30.000.000đ và nợ lãi 4.650.000đ cũng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Như vậy ông N, bà L chỉ trả được tổng cộng 80.000.000đ nợ gốc, còn nợ lại 50.000.000đ nợ gốc.

Từ đó đến nay bà S đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không được nên bà S làm đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án bà S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà L phải trả cho bà S số tiền 50.000.000đ nợ gốc và tiền lãi do chậm trả tiền tính từ ngày 15/02/2023 đến ngày mở phiên tòa, lãi suất 10%/năm. Ngày 9/8/2024 bà S xét thấy số tiền lãi mà ông N, bà L đã trả là 12.000.000 tính từ ngày vay đến nay cũng đã đảm bảo nên bà S có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất, không yêu cầu Tòa án giải quyết về lãi suất, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà L trả lại số tiền nợ gốc là 50.000.000đ

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Quý N và bà Hoàng Thị Thu L trình bày tại bản tự khai: Ông N, bà L thừa nhận có vay tiền của bà S như bà S trình bày là đúng. Và ông N, bà L đã nhiều lần chuyển trả được cho bà S một số tiền gốc và lãi nhưng không nhớ bao nhiêu.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã ban hành các văn bản tố tụng, triệu tập các đương sự để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn không tham gia để giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án*: Xét chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hương S. Buộc ông Lê Quý N và bà Hoàng Thị Thu L có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Hương S số tiền vay gốc là 50.000.000đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Hương S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự, Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Các đương sự đều thừa nhận ngày 14/01/2023 ông N, bà L ký giấy vay tiền của bà S số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng và ngày 16/01/2023 ông N, bà L ký giấy vay tiền của bà S số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay là 14 ngày. Các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS giấy vay tiền ngày 14/01/2023 và ngày 16/01/2023 do nguyên đơn cung cấp là chứng cứ đã được các đương sự thừa nhận, có thật không phải chứng minh.

Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Ngày 01/3/2023 ông N, bà L có chuyển trả cho bà S được 57.350.000đ, trong đó nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi 7.350.000đ bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Ngày 29/04/2023 ông N, bà L tiếp tục trả được 34.650.000đ, trong đó nợ gốc là 30.000.000đ và nợ lãi 4.650.000đ cũng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Như vậy ông N, bà L chỉ trả được tổng cộng 80.000.000đ nợ gốc, còn nợ lại 50.000.000đ nợ gốc. Đối với số tiền lãi mà ông N, bà L đã trả là 12.000.000 tính từ ngày vay đến nay, bà S xác định cũng đã đảm bảo nên bà S có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, ông N và bà L cho rằng đã nhiều lần chuyển trả được cho bà S một số tiền gốc và lãi nhưng không nhớ bao nhiêu. Sau đó mặc dù Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông N, bà L không đến Tòa án để làm việc và cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như để đối chất làm rõ lời trình bày của mình nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hương S về việc ông N, bà L còn nợ số tiền 50.000.000đ nợ gốc, hết thời hạn vay ông N, bà L vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo

quy định tại Điều 466 BLDS nên cần buộc ông N, bà L trả khoản nợ trên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: - Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị đơn ông N, bà L phải chịu 2.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Hương S số tiền 3.790.000đ tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0004870 ngày 12/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 227, 228, 233, 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 288; 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hương S .

Buộc ông Lê Quý N và bà Hoàng Thị Thu L có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Hương S số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Quý N và bà Hoàng Thị Thu L còn phải trả cho bà Trần Thị Hương S khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2]. Về án phí:

Bị đơn ông N, bà L phải chịu 2.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Hương S số tiền 3.790.000đ tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0004870 ngày 12/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

[3]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai theo quy định

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhã Phương